

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 5 - 2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Hoàn

2. Ông Lưu Minh Sửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 322/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trà G, sinh năm 1991, địa chỉ: Khu , thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1983, địa chỉ: Khu , thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 10 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Trà G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H qua tìm hiểu, tự nguyện yêu thương lấy nhau, có tổ chức cưới vào năm 2010, nhưng sau đó đến ngày 30/01/2012 mới

làm đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Thắng (nay là thị trấn Sao Vàng). Quá trình chung sống vợ chồng H thuận hạnh phúc, đến năm 2016 thì tình cảm vợ chồng bắt đầu phát sinh Nều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong sinh hoạt gia đình, anh H không có trách Nệm với gia đình và con cái, nên vợ chồng hay xảy ra cãi vã, nhưng chị vẫn cố gắng chịu đựng nuôi con. Đến năm 2018 anh H lại thường xuyên rượu chè, say xỉn, chị có khuyên bảo nhưng anh Hoa không nghe mà còn đánh chị, nên mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn. Hiện tại vợ chồng vẫn sống chung nhà, nhưng anh chị mỗi người ở một phòng riêng biệt, không quan tâm đến nhau; vợ chồng đã ly thân về tình cảm từ đầu năm 2020. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị G xác định vợ chồng có 02 con chung là các cháu Lê Tuyết N, sinh ngày 25/11/2011 và Lê Gia L, sinh ngày 06/01/2017. Ly hôn, nguyện vọng của chị là xin được trực tiếp nuôi cả 02 con; quá trình giải quyết, chị G yêu cầu anh H có trách Nệm cấp dưỡng nuôi con đối với mỗi cháu là 1.500.000đ/tháng, tuy Nền tại phiên tòa hôm nay chị G có ý kiến đề nghị Tòa án xem xét về mức cấp dưỡng theo quy định.

Về tài sản: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên H giải ngày 22/02/2021, bị đơn là anh Lê Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H xác nhận vợ chồng tự do tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau có tổ chức cưới và làm đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Thắng (nay là thị trấn Sao Vàng) như chị G trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống H thuận, hạnh phúc. Đến khoảng tháng 5 năm 2020 thì tình cảm vợ chồng bắt đầu xảy ra Nều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong sinh hoạt gia đình, anh đi làm thợ nên thi thoảng có hay giao lưu rượu chè với anh em, nhưng chị G không thông cảm, nên vợ chồng có nói qua lại, mâu thuẫn với nhau. Hiện tại vợ chồng vẫn ở chung nhà, nhưng từ tháng 5/2020 thì vợ chồng không còn ở chung phòng, đã ly thân về tình cảm. Nay anh xác định vẫn đang còn tình cảm vợ chồng, nên anh không đồng ý ly hôn, mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Anh H xác định vợ chồng có 02 con chung là các cháu Lê Tuyết N, sinh ngày 25/11/2011 và Lê Gia L, sinh ngày 06/01/2017.

Qua điểm của anh H là nếu trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý để chị G được trực tiếp nuôi cả 02 con; anh xin được tự nguyện cấp dưỡng nuôi con đối với mỗi cháu là 1.500.000đ/tháng.

Về tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03/3/2021 cháu Lê Tuyết N có ý kiến trình bày thể hiện quan điểm: Cháu không muốn bố mẹ ly hôn nhau, nhưng nếu bố mẹ ly hôn thì cháu nguyện vọng xin ở với mẹ.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 14/4/2021, đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn Scho biết: Chị Nguyễn Thị Trà G và anh Lê Văn H có quan hệ là vợ chồng, đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã X(nay là thị trấn S) vào ngày 30/01/2012. Quá trình chung sống tại địa phương vợ chồng có 02 con chung là Lê Tuyết N, sinh ngày 25/11/2011 và Lê Gia L, sinh ngày 06/01/2017. Anh chị hiện nay vẫn sống cùng nhau, còn mâu thuẫn giữa vợ chồng cụ thể thế nào địa phương không rõ. Anh H hiện tại đang làm nghề cơ khí, có mở xưởng hàn xì tôn sắt; Chị G làm nghề bán hàng quần áo và hoa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn thực hiện không đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 107, 110 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Trà G được ly hôn với anh Lê Văn H. Về con chung: Giao các cháu Lê Tuyết N và Lê Gia L cho chị Nguyễn Thị Trà G được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Lê Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với mỗi cháu là 1.500.000đ/tháng. Về án phí: Chị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Trà G khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Lê Văn H, cư trú tại: Khu , thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều

39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lê Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trà G và anh Lê Văn H tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã Xuân Thắng (nay là thị trấn Sao Vàng) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/01/2012, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh H là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống thời gian đầu tình cảm vợ chồng H thuận, hạnh phúc, từ khoảng tháng 5/2020 thì tình cảm vợ chồng xảy ra Nền mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong sinh hoạt gia đình, không tin tưởng nhau, thiếu sự chia sẻ trong công việc gia đình, chăm sóc con cái; hiện tại vợ chồng đã ly thân về tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, chị G một mực đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn; còn anh H có ý kiến mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng anh H từ sau khi tham gia phiên H giải vào ngày 22/02/2021 đã không đến tòa án làm việc, không tham gia các phiên H giải tiếp theo do Tòa án tổ chức và các phiên tòa, điều đó thể hiện anh H không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng. Từ những phân tích trên, có cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị G, xử cho chị Nguyễn Thị Trà G được ly hôn với anh Lê Văn H.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Trà G và anh Lê Văn H đều xác định vợ chồng có 02 con chung là các cháu Lê Tuyết N, sinh ngày 25/11/2011 và Lê Gia L, sinh ngày 06/01/2017. Quá trình giải quyết vụ án, chị G có nguyện vọng tha thiết xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung; Tại phiên H giải ngày 22/02/2021 anh H cũng có ý kiến đồng ý để chị G được trực tiếp nuôi cả 02 con, nếu ly hôn; cháu N cũng có ý kiến thể hiện nguyện vọng xin được ở với chị G. Do đó, cần thiết giao cả 02 con chung cho chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Tại phiên tòa hôm nay chị G yêu cầu anh H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo quy định; anh H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trước đó tại phiên H giải ngày 22/02/2021 anh H có ý kiến xin tự nguyện cấp dưỡng nuôi con đối với mỗi cháu là 1.500.000đ/tháng. Xét mức cấp dưỡng

như ý kiến của anh H là phù hợp với thực tế, đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của con, nên được chấp nhận.

[4] Về phần tài sản: Chị Nguyễn Thị Trà G và anh Lê Văn H đều có ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Trà G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh Lê Văn H phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. *Về hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị Trà G được ly hôn với anh Lê Văn H.

2. *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị Trà G và anh Lê Văn H có 02 (hai) con chung là các cháu Lê Tuyết N, sinh ngày 25/11/2011 và Lê Gia L, sinh ngày 06/01/2017.

Giao các cháu Lê Tuyết N và Lê Gia L cho chị Nguyễn Thị Trà G được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh Lê Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng (*một triệu năm trăm nghìn đồng, trên tháng*) kể từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Lê Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản:* Không xem xét.

4. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Trà G phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị G đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0006284 ngày 14/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Chị Nguyễn Thị Trà G đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Lê Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn S;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Lê Minh Tiến